TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG** Bản án số: 42 /2024/DS-PT Ngày 16 - 01 - 2024 V/v tranh chấp "Mở lối dẫn nước cho việc tưới, tiêu trong canh tác"	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Việt Trung.

Các Thẩm phán: Ông Võ Thanh Bình.

Ông Lê Thanh Vân.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Trúc Hương – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thanh Bạch - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 362/2023/TLPT-DS ngày 25/10/2023 về việc tranh chấp "Mở lối dẫn nước cho việc tưới, tiêu trong canh tác".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 42/2023/DS-ST ngày 24/7/2023 của Toà án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 826/2023/QĐ-PT ngày 31/10/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Đoàn Thị Sáu N, sinh năm 1969 (có mặt);

Địa chỉ: ấp L, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn*: Bà Trần Thị M, sinh năm 1957 (có mặt);

Địa chỉ: ấp T, xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Trần Văn T, sinh năm 1963 (có mặt);

Địa chỉ: ấp L, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh T6 - Phòng G (vắng mặt).

Đại diện hợp pháp: Ông Dương Hoàng T1 - Trưởng Phòng G;

Địa chỉ: Quốc lộ A, khu phố A, Phường E, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người làm chứng:*

1. Huỳnh Văn T2, sinh năm 1959 (có mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

2. Huỳnh Thị T3, sinh năm 1961 (có mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Trần Thị M.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo bản án sơ thẩm, nguyên đơn bà Đoàn Thị Sáu N trình bày:

Bà có 02 thửa đất tại ấp T, xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang gồm: thửa 215 tờ bản đồ số 4 diện tích 494,7m^2 và thửa 216 tờ bản đồ số 4 diện tích 6.244,1m^2 hiện đang trồng cây sầu riêng.

Muốn dẫn nước từ kênh công cộng vào 02 thửa đất 215, 216 phải đi qua thửa đất số 675 tờ bản đồ số số 4 của bà Trần Thị M. Vào khoảng năm 2017, khi bà Sáu N mua đất thì bà M hứa cho mở đường nước và đặt bọng ngầm qua đất của bà M nên bà mới nhận chuyển nhượng các thửa đất trên và đã mở đường nước đặt bọng ngầm qua đất của bà M sử dụng đến nay.

Tháng 12/2022, bà M biết thông tin bà Sáu N muốn bán đất thì không cho bà sử dụng đường nước này nhằm mục đích ép giá đất và ép bà bán đất cho bà M. Bà N có thỏa thuận trả tiền đất cho bà M nhưng bà M cũng không đồng ý.

Việc bà M không cho bà sử dụng đường nước qua thửa đất của bà M đã gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến vườn sầu riêng của bà nên bà Đoàn Thị Sáu N yêu cầu Tòa án giải quyết: buộc bà Trần Thị M mở cho bà 01 lối dẫn nước diện tích ngang 0,3 mét dài khoảng 15 mét đi qua thửa đất số 675 tờ bản đồ số số 4 tại ấp T, xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang do bà Trần Thị M đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

* Bị đơn bà Trần Thị M trình bày:

Bà không đồng ý mở lối dẫn nước trên thửa đất của bà vì hiện tại vợ chồng bà N cũng đã có lối dẫn nước cũ, đề nghị trở lại sử dụng lối dẫn nước cũ.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Trần Văn T trình bày:

Yêu cầu bà M mở cho vợ chồng tôi lối dẫn nước diện tích 9,7m^2 theo đo đạc của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã C và tự nguyện thanh toán lại cho bà M giá trị đất với số tiền 20.000.000 đồng.

2. Đại diện Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh T6 - Phòng G có văn bản trình bày:

Quyền sử dụng đất thửa số 675 tờ bản đồ số số 4 tại ấp T, xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang do bà Trần Thị M đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có số vào sổ cấp GCN CS05020 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp hộ bà Trần Thị M ngày 04/11/2020 đã được bà Trần Thị M ký hợp đồng thế chấp với Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh T6 – Phòng G để đảm bảo khoản vay 600.000.000 đồng của ông Thái

Văn T4 và bà Nguyễn Tuyết N1 theo hợp đồng tín dụng số 202226558492 ký kết ngày 10/3/2023 với Ngân Hàng TMCP S - Chi nhánh T6 – Phòng G. Việc mở lối dẫn nước diện tích 9,7m^2 trên thửa đất sẽ ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng, làm thay đổi giá giá trị tài sản và ảnh hưởng đến nghĩa vụ đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật và đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của Ngân hàng đối với tài sản thế chấp nêu trên; Ngân hàng xin được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án cho đến khi vụ việc kết thúc.

* Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Nguyên đơn bà Đoàn Thị Sáu N yêu cầu bà Trần Thị M cho mở lối dẫn nước diện tích 9,7m^2 nằm trên thửa đất số 675 tờ bản đồ số số 4 tại ấp T, xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang do bà Trần Thị M đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có số vào sổ cấp GCN CS05020 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp cho bà Trần Thị M ngày 04/11/2020. Bà N tự nguyện đền bù giá trị đất cho bà M với giá 3.000.000 đồng/m^2, tương ứng số tiền 29.100.000 đồng; đồng thời yêu cầu Tòa án ra quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời: Cấm bà Trần Thị M thực hiện hành vi tháo dỡ đường ống dẫn nước bà đang đặt trên phần đất của bà M.

- Bà Trần Thị M không đồng ý cho mở đường nước qua đất của bà, đề nghị vợ chồng bà Sáu N di dời ống nước ra khỏi thửa đất của bà để bà cho con bà sử dụng xây nhà.

- Ông Trần Văn T thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị Sáu N.

* Bản án dân sự sơ thẩm số 42/2023/DS-ST ngày 24/7/2023 của Toà án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang, đã căn cứ vào Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm l khoản 4 Điều 95 và Điều 171 Luật đất đai; Điều 5, 245, 246, 253 của Bộ luật dân sự; Khoản 2 Điều 26 và khoản 2 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị Sáu N.

Buộc bà Trần Thị Mới phải có nghĩa vụ mở 01 lối dẫn nước có diện tích 9,7m^2 nằm trên thửa đất số 675 tờ bản đồ số 4 tổng diện tích 1.325,9m^2 tọa lạc ấp T, xã T, thị xã C theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có số vào sổ cấp GCN CS05020 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp cho bà Trần Thị M ngày 04/11/2020.

Có sơ đồ vị trí diện tích lối dẫn nước đính kèm theo bản án.

Giữ nguyên hiện trạng đường ống dẫn nước trên diện tích đất buộc bà Trần Thị M mở trên thửa đất số 675 tờ bản đồ số 4 tổng diện tích 1.325,9m^2 tọa lạc ấp T, xã T, thị xã C.

Bà Đoàn Thị Sáu N có quyền và nghĩa vụ đăng ký biến động từ việc xác lập quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với lối dẫn nước được mở trên thửa đất số 675 tờ bản đồ số 4, tại ấp T, xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

2. Ghi nhận bà Đoàn Thị Sáu N tự nguyện bồi thường giá trị đất bị thiệt hại do mở lối dẫn nước cho bà Trần Thị M số tiền 29.100.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà M cho đến khi thi hành án xong, bà Sáu N còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí:

- Bà Trần Thị Mới p chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại cho bà Sáu N số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0018359 ngày 06/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của đương sự.

* Ngày 03/8/2023, bị đơn bà Trần Thị M có đơn kháng cáo yêu cầu: sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự trình bày:

- Bà Trần Thị M vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Bà Đoàn Thị Sáu N và ông Trần Văn T không đồng ý theo yêu cầu kháng cáo của bà M, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu:

+ Về tố tụng: Kể từ ngày thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang ngày 08/12/2023 thể hiện: Bà Sáu N có đường dẫn nước, thoát nước khác qua đất hộ giáp ranh là bà Huỳnh Thị T3, qua đất ông Huỳnh Văn T2, qua đất ông Huỳnh Văn C, qua đất ông Nguyễn Văn C1 và ông Huỳnh Văn T2 ra đường Kênh Lộ cũ. Ông T2, ông C1 và bà T3 xác định đường dẫn nước, thoát nước này các hộ đang sử dụng chung, có nghĩa vụ cùng nạo vét hàng năm và đồng ý cho bà Sáu N sử dụng chung đường dẫn cấp thoát nước, nhưng phải chịu chi phí nạo vét hàng năm. Do đó, bà Sáu N không phải không có đường dẫn cấp thoát nước nào khác, ngoài đường thoát nước tranh chấp, nên yêu cầu kháng cáo của bà M là có căn cứ. Đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng của bà M, sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Sáu N.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét xác định mối quan hệ tranh chấp, thẩm quyền và áp dụng pháp luật trong việc giải quyết vụ án đúng quy định pháp luật dân sự và tố tụng dân sự trong giai đoạn xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đại diện Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh T6 - Phòng G có đơn xin vắng mặt đề ngày 21/11/2023. Căn cứ vào Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đương sự nêu trên.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị M, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bà Đoàn Thị Sáu N và ông Trần Văn T thống nhất xác định: Vợ chồng ông bà canh tác 02 thửa đất: thửa 215 tờ bản đồ số 4 diện tích 494,7m^2 và thửa 216 tờ bản đồ số 4 diện tích 6.244,1m^2 hiện đang trồng cây sầu riêng; để dẫn nước từ kênh công cộng vào 02 thửa đất 215, 216 phải đi qua thửa đất số 675 tờ bản đồ số 4 của bà Trần Thị M. Khoảng năm 2017, bà Sáu N có thỏa thuận và được bà M đồng ý cho mở đường nước và đặt bọng ngầm qua đất của bà M, sử dụng vĩnh viễn; vợ chồng ông bà sử dụng từ đó cho đến nay.

Bà Trần Thị M xác định: Chủ cũ của 02 thửa đất mà vợ chồng ông T, bà Sáu N hiện đang canh tác là ông K. Trước đây ông K trồng lúa sử dụng chung đường thoát nước với nhiều hộ như: hộ bà T3, ông T2, ông C1 và ông C dẫn ra kênh Lộ cũ. Bà Sáu N sau khi mua đất của ông K đã lên líp trồng sầu riêng, có đến xin bà cho mở tạm đường ống (bọng ngầm) dẫn thoát nước một thời gian để rửa phèn, nên bà đồng ý.

Tại Tòa án cấp phúc thẩm, bà M yêu cầu Tòa án xem xét thẩm định tại chỗ lại, để khảo sát, xác minh bà Sáu N có đường dẫn, thoát nước trước đây ông K đã sử dụng. Ngày 08/12/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ. Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang ngày 08/12/2023 thể hiện: Bà Sáu N và ông T còn có đường dẫn thoát nước khác qua đất hộ giáp ranh là bà Huỳnh Thị T3, qua đất ông Huỳnh Văn T2, qua đất ông Huỳnh Văn C, qua đất ông Nguyễn Văn C1 và ông Huỳnh Văn T2 ra đường Kênh Lộ cũ. Ông T2, ông C1 và bà T3 xác định đường dẫn, cấp thoát nước này các hộ đang sử dụng chung, có nghĩa vụ cùng nạo vét hàng năm và đồng ý cho bà Sáu N sử dụng chung đường dẫn cấp thoát nước này, nhưng phải chịu chi phí nạo vét hàng năm.

Xét thấy: Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Sáu N và ông T, bà M, bà T3 và ông T2 thừa nhận: chủ đất cũ mà ông T và bà Sáu N mua đất là ông K, trước đây ông K sử dụng chung đường dẫn cấp, thoát nước chung qua đất hộ giáp ranh là bà Huỳnh Thị T3, ông Huỳnh Văn T2, ông Huỳnh Văn C, ông Nguyễn Văn C1 để ra đường K cũ; ông T và bà Sáu N cũng thừa nhận khi mua đất của ông K thì ông K sử dụng đường dẫn, cấp thoát nước chung này và hiện tại đường dẫn nước này vẫn có thể sử dụng, nhưng đường dẫn cấp, thoát nước này nông (cạn), nước chảy thoát chậm, phải qua đất của nhiều hộ, nếu không có sự đồng thuận của tất cả các hộ thì ông bà không thể sử dụng được, không thuận tiện, tốn nhiều chi phí. Như

vậy, chứng tỏ trước đây bà Sáu N và ông T đã có đường dẫn, thoát nước và hiện tại đường dẫn thoát nước này vẫn sử dụng được và thực tế được nhiều hộ dân có bất động sản liền kề đang sử dụng; chứ ông T và bà N không phải thuộc trường hợp không có đường dẫn thoát nước như ông bà trình bày. Ông T, bà N cho rằng bà M đồng ý cho sử dụng đường dẫn thoát nước (bọng ngầm) qua đất bà M vĩnh viễn, nhưng không được bà M thừa nhận và ông T, bà N không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà M đồng ý cho bà Sáu N và ông T tiếp tục sử dụng đường dẫn thoát nước (bọng ngầm) tranh chấp trong thời hạn 01 năm kể từ ngày án có hiệu lực, hết thời hạn này thì ông T và bà Sáu N phải di dời đường dẫn thoát nước (bọng ngầm) về đường dẫn cấp, thoát nước cũ mà hiện nay hộ bà T3, ông T2 cùng các hộ khác đang sử dụng chung. Đồng thời tại phiên tòa phúc thẩm, bà Huỳnh Thị T3, ông Huỳnh Văn T2 cũng đồng ý cho bà Sáu N và ông T sử dụng chung đường dẫn cấp, thoát nước nhưng phải cùng chịu chi phí nạo vét hàng năm. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận.

Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của bà Sáu N là không có căn cứ, yêu cầu kháng cáo của bà M là có cơ sở để chấp nhận, cần sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Sáu N, ghi nhận sự tự nguyện của bà M cho ông T, bà N sử dụng đường dẫn, thoát nước tranh chấp trong thời hạn 01 năm kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị M được chấp nhận nên bà M không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị M.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 42/2023/DS-ST ngày 24/7/2023 của Toà án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm l khoản 4 Điều 95 và Điều 171 Luật đất đai; Điều 5, 245, 246, 252, 253 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị Sáu N về việc buộc bà Trần Thị Mới phải có nghĩa vụ mở 01 lối dẫn nước có diện tích 9,7 m^2 nằm trên thửa đất số 675 tờ bản đồ số 4 tổng diện tích 1.325,9m^2 tọa lạc ấp T, xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà

ở và tài sản khác gắn liền với đất có số vào sổ cấp GCN CS05020 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp cho bà Trần Thị M ngày 04/11/2020.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Trần Thị M cho bà Đoàn Thị Sáu N và ông Trần Văn T tiếp tục sử dụng đường thoát nước (bọng ngầm) tranh chấp nêu trên trong thời hạn 01 (một) năm kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật. Hết thời hạn 01 (một) năm thì ông Trần Văn T và bà Đoàn Thị Sáu N phải di dời đường ống dẫn thoát nước (bọng ngầm), trả lại quyền sử dụng đất cho bà M.

3. Về án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Đoàn Thị Sáu N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0018359 ngày 06/02/2023 của Chi cục Thi hành án thị xã C, tỉnh Tiền Giang, xem như đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Trần Thị M không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Bà M không có nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm.

4. Những quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

- Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND thị xã C;
- CCTHADS thị xã C;
- Các đương sự;
- Đăng cổng thông tin điện tử;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

DSPT-2024-H

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Việt Trung

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬTHẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Việt T5